

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-10-2019.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Ngạn.

2. Ông Hoàng Hồng Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 155/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1979 (có đơn xét xử vắng mặt).

ĐKHK: Thôn AĐ A, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

Nơi cư trú: Thôn V, xã TH, huyện BG, tỉnh HD

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

ĐKHK: thôn AĐ A, xã CĐ, huyện CG, tỉnh HD.

Nơi cư trú: Thôn TL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại

UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/11/2011 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị và anh L sống ở nhà chồng được một thời gian, đến tháng 3/2013 thì vợ chồng chuyển vào huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng sinh sống và làm ăn. Chị và anh L sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Anh L không tu chí làm ăn mà thường xuyên chơi bời cờ bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm lo đến gia đình vợ con khiến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã. Thậm chí có lần anh L còn sử dụng bạo lực làm chị bị thương. Tình cảm giữa chị và anh L dần nứt, ngày càng xa cách. Chị nhiều lần bỏ qua, khuyên anh thay đổi để cùng nhau vun vén gia đình nhưng anh không nghe. Cuộc sống chung trở lên áp lực mệt mỏi, không có hạnh phúc. Do không thể duy trì cuộc sống chung cùng anh L được nên chị cùng con đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh thỉnh thoảng liên lạc với chị qua điện thoại nhưng chỉ để hỏi thăm tình hình của con, chứ không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng,, thời gian sống ly thân đã lâu, mỗi người một nơi nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Lê V, sinh ngày 22/7/2012 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm việc tại công ty TNHH Long Star Việt Nam - khu công nghiệp Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng; thu nhập ổn định từ 5.000.000đồng đến 6.000.000đồng/tháng. Chị có đủ điều kiện để chăm lo cho con được cuộc sống tốt nhất, hơn nữa từ trước đến nay con vẫn ở cùng chị nên chị không muốn làm xáo trộn cuộc sống của con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2019, anh Nguyễn Văn L trình bày:
Anh và chị Lê Thị T được tự do tìm hiểu và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Anh và chị T chung sống đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T xác định anh đưa đời bạn bè và không muốn chung sống cùng anh nữa. Anh và chị T đã sống ly thân với nhau từ lâu, khoảng hơn một năm nay vợ chồng không gặp nhau, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống. Anh

vẫn sinh sống ở thôn Tân Lập, xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, còn chị và con đã chuyển về sinh sống cùng ông bà ngoại ở xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Từ khi nảy sinh mâu thuẫn, anh chị chỉ hỏi thăm nhau qua điện thoại chứ không gặp nhau để cùng tháo gỡ mâu thuẫn. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, bản thân anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng nên anh không nhất trí với yêu cầu đề nghị giải quyết ly hôn của chị.

Về quan hệ con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Lê V, sinh ngày 22/7/2012, hiện đang ở với chị T. Nếu ly hôn, anh cũng nhất trí để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình anh L trình bày: Anh L và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Gia đình được biết mâu thuẫn giữa chị T và anh L là do bất đồng trong việc xây dựng kinh tế, vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về tình cảm dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Khi biết được mâu thuẫn gia đình cũng đã động viên hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa chị T và anh L không được tháo gỡ. Chị T và anh L đã sống ly thân với nhau từ lâu mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau. Nay chị T làm đơn ly hôn với anh L đó là chuyện riêng của anh chị tự giải quyết, gia đình tôn trọng quyết định của anh chị. Về quan hệ con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai đại diện gia đình chị T trình bày: Anh L, chị T được tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Gia đình được biết vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, bỏ bê không quan tâm chăm lo cho gia đình vợ con, thường về chửi bới đánh đập chị. Chị T cùng con chuyển về sinh sống cùng gia đình từ lâu, còn anh L vẫn sinh sống làm ăn trong Lâm Đồng. Gia đình cũng đã động viên hòa giải nhưng anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân với nhau, không quan tâm gì đến nhau. Gia đình được biết chị T xin ly hôn với anh L, gia đình tôn trọng quyết định của chị. Về con chung đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên vì từ trước đến nay con chung đều do một mình chị T nuôi dưỡng.

Quá trình xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào năm 2011, anh chị đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn An Điềm, xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, anh L đã chuyển vào sinh sống làm ăn tại Lâm Đồng từ lâu. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng anh L chị T như thế nào địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Bị đơn anh L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ “phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án” vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê V, sinh ngày 22/7/2012 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đơn khởi kiện của chị Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung, xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lê

Thị T có đăng ký thường trú tại thôn An Điềm, xã Cẩm Định, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Bị đơn anh Nguyễn Văn L hiện đang cư trú tại thôn Tân Lập, xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên anh chị có đơn thỏa thuận về việc lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết vụ án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh L đã có lời khai trình bày quan điểm giải quyết vụ án, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh L hợp lệ; tiến hành ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng thu thập chứng cứ để tiến hành lấy lời khai trình bày quan điểm của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên anh L không đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng để tham gia tố tụng, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh L.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/11/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh L sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, không có sự tin tưởng nhau trong tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xích mích cãi vã, thậm chí còn sử dụng bạo lực với nhau. Khi nảy sinh mâu thuẫn, anh chị không tìm cách hàn gắn, tháo gỡ mà sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, mỗi người sống một nơi. Bản thân anh L cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau, tuy nhiên suốt thời gian dài sống ly thân anh không tìm gặp chị để vợ chồng cùng tháo gỡ mâu thuẫn, đoàn tụ cùng nhau mà vẫn để mặc mâu thuẫn như vậy, mỗi người ở một nơi, sinh sống riêng biệt, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh đến Tòa án làm việc và tiến hành hòa giải nhưng anh cũng không đến Tòa án để tham gia. Điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí để vợ chồng tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm với nhau. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX nhận thấy hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự quan tâm chia sẻ cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận giải quyết cho chị T được ly hôn anh L

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị xác định quá trình chung sống anh chị có một con chung là Nguyễn Lê V, sinh ngày 22/7/2012 hiện đang ở với chị T. Xét nguyện vọng của các đương sự, nguyện vọng của con chung; để đảm bảo quyền lợi cho con chung ổn định về nơi ăn, chốn ở, điều kiện sinh hoạt của cháu Việt, HĐXX xét thấy cần giao cháu Nguyễn Lê V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức: Anh chị xác định không có tài sản chung, nợ chung và công sức nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Lê V, sinh ngày 22/7/2012 cho chị Lê Thị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2017/0007491 ngày 18/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị T đã chấp hành xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân Hà